

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
Năm học 2024 – 2025**

*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Biểu mẫu 09

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo đúng quy định phân tuyển của PGD	Dựa vào chỉ tiêu tuyển sinh của nhà trường (Theo từng loại hình học tập)	Dựa vào chỉ tiêu tuyển sinh của nhà trường (Theo từng loại hình học tập)	Dựa vào chỉ tiêu tuyển sinh của nhà trường (Theo từng loại hình học tập)
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục của Bộ giáo dục (CTGDPT 2018)	Thực hiện theo chương trình giáo dục của Bộ giáo dục (CTGDPT 2018)	Thực hiện theo chương trình giáo dục của Bộ giáo dục (CTGDPT 2018)	Thực hiện theo chương trình giáo dục của Bộ giáo dục (CTGDPT 2018)
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Gia đình kết hợp chặt chẽ với nhà trường, để việc giáo dục học sinh được tốt nhất. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường, biết lễ phép, tự học và có kỹ năng sống.	- Gia đình kết hợp chặt chẽ với nhà trường, để việc giáo dục học sinh được tốt nhất. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường, biết lễ phép, tự học và có kỹ năng sống.	- Gia đình kết hợp chặt chẽ với nhà trường, để việc giáo dục học sinh được tốt nhất. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường, biết lễ phép, tự học và có kỹ năng sống.	- Gia đình kết hợp chặt chẽ với nhà trường, để việc giáo dục học sinh được tốt nhất. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường, biết lễ phép, tự học và có kỹ năng sống.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt	Các hoạt động hỗ trợ học tập	Các hoạt động hỗ trợ học tập	Các hoạt động hỗ trợ học tập	Các hoạt động hỗ trợ học tập

	của học sinh ở cơ sở giáo dục	sinh hoạt của học sinh: các tiết bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, các tiết sinh hoạt tập thể, rèn luyện kỹ năng sống, các tiết sinh hoạt dưới cờ, SHCN, tham quan ngoại khóa-hoạt động trải nghiệm	sinh hoạt của học sinh: các tiết bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, các tiết sinh hoạt tập thể, rèn luyện kỹ năng sống, các tiết sinh hoạt dưới cờ, SHCN, tham quan ngoại khóa-hoạt động trải nghiệm	sinh hoạt của học sinh: các tiết bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, các tiết sinh hoạt tập thể, rèn luyện kỹ năng sống, các tiết sinh hoạt dưới cờ, SHCN, tham quan ngoại khóa-hoạt động trải nghiệm	sinh hoạt của học sinh: các tiết bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, các tiết sinh hoạt tập thể, rèn luyện kỹ năng sống, các tiết sinh hoạt dưới cờ, SHCN, tham quan ngoại khóa-hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Trên 97%			100%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%			

Phủ Nhuận, ngày 30 tháng 6 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mộng Đẹp

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông,
năm học 2024 – 2025**

*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Biểu mẫu 11

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	32	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	1,58/HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	7	0,33
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	0,05
7	Bình quân lớp/phòng học	32lớp/32phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44Hs/ lớp	0,65/lớp
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	5986.5	4.23/HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1000	0,71
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	67.5	1,53
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	708.3	16,1
3	Diện tích thư viện (m ²)	327	7,43
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	67.5	67.5
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1434	51.21

1.1	Khối lớp 6	717	717/10
1.2	Khối lớp 7	252	252/8
1.3	Khối lớp 8	114	114/5
1.4	Khối lớp 9	97	97/5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	254	
2.1	Khối lớp 6	239	
2.2	Khối lớp 7	30	
2.3	Khối lớp 8	83	
2.4	Khối lớp 9	126	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	46	22.46HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	0.71
2	Cát xét	6	0.21
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0.07
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	0.18
5	Thiết bị khác...	2 (Màn hình tương tác)	0.07

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	0.71
2	Cát xét	6	0.21
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0.07
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	0.18
5	Thiết bị khác...	2	0.07
...			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	90
XI	Nhà ăn	328

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú (Hội trường, p.thư viện, phòng học)	20	900	0
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		10		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Phú Nhuận, ngày 30 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mộng Đẹp

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,

Năm học 2024 – 2025

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 12

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp (Tự đánh giá)			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	57		11	38	3	1	6	22	24	1	45	12		
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	45		9	36				22	22	1	33	12		
1	Toán	8			8				3	5		8			
2	KHTN	9		2	7				7	2		2	7		
3	LS&DL	5			5				1	4		4	1		
4	Ngữ Văn	6		2	4				3	3		6			
7	GDCD	2			2				1	1		1	1		
8	Tiếng Anh	6		3	3				3	2	1	4	2		
10	Công nghệ	2			2					2		2			
11	Tin học	2		1	1				2			1			
12	Nghệ thuật	2			2				1	1		1	1		
14	GDTC	3			3				1	2		3			
II	Cán bộ quản lý	2		1	1					2					
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1			
III	Nhân viên	10													
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Nhân viên thư viện	1				1									
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Bảo vệ	3						3							
6	Phục vụ	3						3							

Phù Nhuận, ngày 30 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Thị Mộng Đẹp